

TỔNG CÔNG TY CP XNK & XD VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (VC5)
Quý III năm 2011

Nơi nhận: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Hà nội, ngày tháng năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ III

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2011	01/01/2011
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		681.675.943.244	583.383.309.774
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		25.157.730.838	34.215.773.514
1 Tiền	111	V.1.	25.157.730.838	34.215.773.514
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		225.489.447.701	216.711.143.315
1 Phải thu của khách hàng	131		171.342.606.305	178.607.342.028
2 Trả trước cho người bán	132		55.435.478.520	38.460.655.841
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	832.068.475	283.493.514
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.120.705.599)	(640.348.068)
IV Hàng tồn kho	140		419.156.195.169	329.871.833.310
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	419.156.195.169	329.871.833.310
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		11.872.569.536	2.584.559.635
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	7.507.464.325	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.2.1	4.365.105.211	2.584.559.635
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		48.812.781.448	36.129.174.761
II Tài sản cố định	220		44.961.572.596	31.928.743.708
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	43.525.646.175	30.688.668.807
- Nguyên giá	222		96.796.052.012	78.066.371.459
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.270.405.837)	(47.377.702.652)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.5.	1.435.926.421	1.240.074.901
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		3.851.208.852	4.200.431.053
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	3.851.208.852	4.200.431.053
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		730.488.724.692	619.512.484.535

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ III

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2011	01/01/2011
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		627.804.676.708	519.234.754.798
I Nợ ngắn hạn	310		597.589.696.026	503.090.726.216
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8.	201.482.214.794	165.378.064.161
2 Phải trả người bán	312		172.135.402.678	128.499.047.845
3 Người mua trả tiền trước	313		189.694.488.189	172.520.772.422
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	3.647.246.665	5.154.905.789
5 Phải trả người lao động	315		3.160.046.874	10.369.763.874
6 Chi phí phải trả	316	V.10.	21.594.377.459	12.830.573.236
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11.	1.984.928.875	2.473.687.392
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.890.990.492	5.863.911.497
II Nợ dài hạn	330		30.214.980.682	16.144.028.582
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.12.	16.458.477.700	7.306.280.000
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.872.320.891	1.928.359.241
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		11.884.182.091	6.909.389.341
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		96.245.989.791	93.398.585.962
I Vốn chủ sở hữu	410	V.13.	96.245.989.791	93.398.585.962
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		9.828.000.000	9.828.000.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.397.093.115	1.225.495.749
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	117.425
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		17.660.475.097	17.320.148.776
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		2.986.291.755	2.327.731.740
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.374.129.824	12.697.092.272
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		6.438.058.193	6.879.143.775
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		730.488.724.692	619.512.484.535

Hà nội, ngày 11 tháng 10 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Người lập

Kế toán trưởng



Lê Thị Oanh



Mai Văn Sơn


TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Hải An

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 01a - DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3 Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5 Ngoại tệ các loại		-	-
USD	V.I.		83,72
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà nội, ngày 11 tháng 10 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thị Oanh

Mai Văn Sơn



TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 02a - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.14.	150.694.839.120	80.029.470.584	532.638.440.275	311.468.748.326
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.15.	150.694.839.120	80.029.470.584	532.638.440.275	311.468.748.326
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.16.	137.419.666.680	74.375.569.820	494.020.781.539	289.901.667.730
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13.275.172.440	5.653.900.764	38.617.658.736	21.567.080.596
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17	726.477.362	406.660.509	1.134.990.359	752.413.863
7 Chi phí tài chính	22	VI.18.	4.703.005.899	275.447.743	14.852.147.978	5.809.698.163
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.703.005.899	275.447.743	14.852.147.978	5.809.698.163
8 Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.3	4.146.645.235	3.136.704.170	13.308.363.515	8.830.692.050
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		5.151.998.668	2.648.409.360	11.592.137.602	7.679.104.246
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.4	952.381	2.545.000	2.091.660.318	1.332.139.908
12 Chi phí khác	32	VIII.2.5	-	-	17.408.822	5.966.665
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		952.381	2.545.000	2.074.251.496	1.326.173.243
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.152.951.049	2.650.954.360	13.666.389.098	9.005.277.489
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.19.	1.163.899.762	661.081.476	3.292.259.274	2.379.968.198
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.989.051.287	1.989.872.884	10.374.129.824	6.625.309.291
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		107.400.709	69.368.998	281.276.074	89.051.961
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		3.881.650.578	1.920.503.886	10.092.853.750	6.536.257.330
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		798	398	2.075	1.325

Hà nội, ngày 11 tháng 10 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lê Thị Oanh



Mai Văn Sơn


TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Hải An

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/9/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/9/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		13.666.389.098	9.005.277.489
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2		7.732.223.239	5.650.707.379
- Các khoản dự phòng	3		(2.120.705.599)	295.593.463
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(3.209.241.855)	(2.085.070.436)
- Chi phí lãi vay	6		14.852.147.978	5.809.698.163
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		30.920.812.861	18.676.206.058
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(27.877.167.123)	(23.871.003.476)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(52.170.779.382)	(48.882.765.276)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		48.806.046.762	13.317.756.301
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		349.222.201	136.714.611
- Tiền lãi vay đã trả	13		(10.908.414.034)	(5.809.698.163)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.880.906.906)	(2.205.400.522)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		6.000.298.432	1.326.689.908
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5.248.548.532)	(180.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14.009.435.721)	(47.491.500.559)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(20.787.413.792)	(6.049.049.132)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		2.091.660.318	1.301.700.908
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.245.602.153)	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.591.340.115)	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.134.990.359	752.413.863
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.397.705.383)	(3.994.934.361)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	3.923.500.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		356.010.558.406	232.235.362.973
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(315.763.324.978)	(200.356.874.946)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.898.135.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		32.349.098.428	35.801.988.027
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(9.058.042.676)	(15.684.446.893)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		34.215.773.514	47.074.390.573
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	25.157.730.838	31.389.943.680

Hà nội, ngày 11 tháng 10 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Người lập

Kế toán trưởng

Lê Thị Oanh

Mai Văn Sơn



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Hải An

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2011

(tiếp theo)

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 5, tên giao dịch là THE VIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY – NO 5 (VINACONEX No 5 – JSC), gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Xây dựng số 5 được thành lập theo quyết định số 1500-BXD ngày 29/09/1973 trên cơ sở sáp nhập Công ty Kiến trúc Ninh Bình và Công ty Kiến trúc Nam Hà thành Công ty Xây dựng số 5; sau đó được thành lập lại theo Quyết định số 047A/BXD-TCLĐ ngày 12/02/1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Từ ngày 04/10/2004 Công ty Xây dựng số 5 được chuyển thành Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 theo Quyết định số 1552/QĐ-BXD ngày 04/10/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2603000225 ngày 05/11/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hoá cấp. Công ty có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 05 tháng 11 năm 2004.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 12 tháng 04 năm 2007.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 07 năm 2007.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 18 tháng 10 năm 2007.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 06 tháng 05 năm 2009.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 28 tháng 04 năm 2010.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 20 tháng 07 năm 2010.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 16 tháng 02 năm 2011.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **50.000.000.000** đồng (Năm mươi tỉ đồng)

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VC5.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng và thuỷ lợi; xây dựng các công trình cảng thuỷ và cảng hàng không; Xây lắp đường
- dây và trạm biến áp; Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp và dân cư; Xây dựng cầu đường; Gia công lắp đặt cơ khí cho xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình;
 - Đầu tư và kinh doanh nhà ở, khu đô thị.
 - Đầu tư khai thác và kinh doanh nước sạch.
 - Khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.
 - Kinh doanh vận tải đường bộ và thiết bị xây dựng.
 - Kinh doanh dịch vụ lao động và thương mại.
 - Sửa chữa, bảo trì: Thiết bị cơ, điện, nước, và các công trình công nghiệp và dân dụng.
 - Sản xuất, kinh doanh sản phẩm gỗ công nghiệp cho xây dựng và gia dụng.
 - Chế biến gỗ và lâm sản cho xây dựng.
 - Kinh doanh, xuất nhập khẩu thiết bị và sản phẩm xây dựng.

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

Công ty có 01 văn phòng đại diện tại Hà Nội, địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà Vimeco - lô E9 đường Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Quý III năm 2011****(tiếp theo)****4. Công ty có 01 Công ty con được hợp nhất**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam tên giao dịch là VIET NAM CONTRUCSTION AND INTERIOR DECORATION JOINT STOCK COMPAYNY gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Cổ phần xây lắp và trang trí nội thất Việt Nam, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103001400 ngày 25/09/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0101295134 ngày 16/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng)

Trụ sở chính tại Tầng 2 Tòa nhà Vimeco - Lô E9 đường Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Riêng Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2011 được lập cho kỳ hoạt động 01/07/2011 đến 30/9/2011.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán ANA4.0.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính sản xuất kinh doanh của các Công ty Cổ phần mà Công ty nắm giữ cổ phần chi phối được lập tại ngày 30/09 hàng năm. Các nghiệp vụ luân chuyển và số dư nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất, được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2011

(tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp giá đích danh.
- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.
- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**4.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**5.1 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 – Chi phí đi vay.

5.2 Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ

Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ được tính căn cứ số tiền các đối phụ trách các công trình vay vốn của Công ty để mua nguyên vật liệu và trả tiền nhân công trực tiếp cho công trình đó. Lãi suất là lãi suất ngân hàng tại thời điểm Công ty phải trả cho ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Quý III năm 2011****(tiếp theo)****6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau bao gồm các loại chi phí: chi phí mua các công cụ xây dựng, phụ tùng thay thế, công cụ văn phòng, đội và thương hiệu VINACONEX chờ phân bổ.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước sửa chữa văn phòng được ghi nhận căn cứ trên Hợp đồng kinh tế.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu hoạt động xây lắp các công trình xây dựng, dọn vệ sinh công nghiệp, vận chuyển vật liệu xây dựng và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Một số hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng, doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hóa đơn giá trị gia tăng, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Một số hợp đồng xây dựng khác của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu dịch vụ vệ sinh công nghiệp, vận chuyển được xác định theo giá trị khối lượng hoàn thành, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, và chênh lệch tỉ giá phù hợp các quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, đã trừ đi chi phí lãi vay được vốn hóa.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Quý III năm 2011****(tiếp theo)**

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

12.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là công trình Nhà máy nước Nghi Sơn trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

12.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

12.4 Nguyên tắc ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm

Khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập từ 2% tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội của công ty.

12.5 Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với các dịch vụ sửa chữa, 10% đối với hoạt động xây lắp và dịch vụ khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.6 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn của hoạt động xây lắp được ghi nhận trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh của từng công trình. Tuy nhiên để đảm bảo hiệu quả kinh doanh công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng giao khoán công trình cho các đội thi công với mức giao khoán từ 85% đến 95% doanh thu tùy thuộc vào từng công trình.

Giá vốn các dịch vụ khác được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền**

	30/09/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt (VND)	5.068.221.322	315.774.683
Tiền mặt tại quỹ Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	3.028.896.614	277.833.201
Tiền mặt tại quỹ Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam	2.039.324.708	37.941.482
Tiền gửi ngân hàng	20.089.509.516	33.899.998.831
Tài khoản VND	20.089.509.516	33.898.413.844
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	9.578.541.959	24.396.749.364
Ngân hàng Công thương thị xã Bim Sơn	51.050.298	9.177.983.616

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Quý III năm 2011****(tiếp theo)**

<i>Ngân hàng No & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội</i>	990.300	379.927.322
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn</i>	7.658.522.201	11.783.806.874
<i>Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội</i>	1.866.248.416	1.253.394.831
<i>Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt - Chi nhánh Hà Nội</i>	1.730.744	1.801.636.721
 Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam	10.510.967.557	9.501.664.480
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô</i>	113.046.702	1.038.353.781
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội</i>	10.397.920.855	8.463.310.699
Tài khoản USD	-	1.584.987
Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt - Chi nhánh Hà Nội	-	1.584.987
Tổng cộng	25.157.730.838	34.215.773.514
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/09/2011	01/01/2011
	VND	VND
<i>Phải thu khác</i>	832.068.475	44.598.011
<i>Dư nợ TK 338</i>	-	238.895.503
Bảo hiểm xã hội nộp trước		228.756.089
Các đối tượng khác		10.139.414
Tổng cộng	832.068.475	283.493.514
3. Hàng tồn kho	30/09/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.400.130.137	4.102.724.580
Công cụ, dụng cụ	1.070.897.035	204.539.339
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	413.615.546.724	325.494.948.118
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	-	316.059.360.887
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam	-	9.435.587.231
Thành phẩm	44.892.755	44.892.755
Hàng hóa	24.728.518	24.728.518
Cộng giá gốc hàng tồn kho	419.156.195.169	329.871.833.310
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	30/09/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT nội địa	7.358.630.247	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	148.834.078	-
Cộng	7.507.464.325	-
5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/09/2011	01/01/2011
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.435.926.421	1.240.074.901
<i>Công trình Nhà máy nước Nghi Sơn</i>	1.435.926.421	1.240.074.901
Cộng	1.435.926.421	1.240.074.901

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30/9/2011

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	11.878.300.441	42.812.506.948	15.169.759.677	8.205.804.393	78.066.371.459
Mua trong kỳ	-	3.698.325.455	748.543.183	16.139.740.791	20.586.609.429
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.055.016.921)	(801.911.955)	-	(1.856.928.876)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	11.878.300.441	45.455.815.482	15.116.390.905	24.345.545.184	96.796.052.012
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	4.508.144.513	24.552.990.422	10.559.145.753	7.757.421.964	47.377.702.652
Khấu hao trong kỳ	210.253.479	4.354.499.758	1.214.437.041	1.953.032.961	7.732.223.239
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.037.608.099)	(801.911.955)	-	(1.839.520.054)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4.718.397.992	27.869.882.081	10.971.670.839	9.710.454.925	53.270.405.837
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	7.370.155.928	18.259.516.526	4.610.613.924	448.382.429	30.688.668.807
Số dư cuối kỳ	7.159.902.449	17.585.933.401	4.144.720.066	14.635.090.259	43.525.646.175

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 17.659.711.137

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 24.248.709.368

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3 824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2011

(tiếp theo)

7. Chi phí trả trước dài hạn	30/09/2011		01/01/2011	
	VND		VND	
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2.194.408.305		3.660.431.053	
Thương hiệu Vinaconex	510.000.000		540.000.000	
Chi phí khác	1.146.800.547			
Cộng	3.851.208.852		4.200.431.053	
8. Vay và nợ ngắn hạn	30/09/2011		01/01/2011	
	VND		VND	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bim Sơn	143.551.824.984		106.151.865.750	
Ngân hàng Công thương Bim Sơn	49.835.750.425		44.166.109.254	
Ngân hàng TM Cổ phần Quân đội	8.094.639.385		15.060.089.157	
Cộng	201.482.214.794		165.378.064.161	
9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				Đơn vị tính: VND
	01/01/2011	Số phải nộp	Số đã nộp	30/09/2011
Thuế GTGT đầu ra nội địa				
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	1.210.734.396	8.930.282.927	17.499.647.570	(7.358.630.247)
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam	1.367.511.144	3.744.439.544	3.701.824.119	1.410.126.569
Thuế GTGT đầu ra nhập khẩu				
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5		1.530.107.610	1.530.107.610	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam				-
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	1.659.688.442	3.265.490.548	3.880.906.906	1.044.272.084
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam	832.224.386	191.344.267		1.023.568.653
Thuế thu nhập cá nhân				
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	11.984.371	559.304.632	469.109.909	102.179.094
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam	19.309.250	17.724.000		37.033.250
Thuế nhà đất và tiền thuê đất				
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5		148.834.078	297.668.156	(148.834.078)
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam				-
Các loại thuế khác				
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	53.453.800		53.453.800	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam		30.067.015		30.067.015
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-			7.507.464.325
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.154.905.789			3.647.246.665
10. Chi phí phải trả	30/09/2011		01/01/2011	
	VND		VND	
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	9.312.967.078		549.162.855	
Trích trước chi phí giá thành	12.281.410.381		12.281.410.381	
Tổng cộng	21.594.377.459		12.830.573.236	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoà

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2011

(tiếp theo)

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/09/2011	01/01/2011
	VND	VND
<i>Tài sản thừa chờ xử lý</i>	12.167.582	12.167.582
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam	12.167.582	12.167.582
<i>Kinh phí công đoàn</i>	871.904.994	963.604.779
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	603.045.028	524.509.813
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam	268.859.966	439.094.966
<i>Các khoản Bảo hiểm phải nộp</i>	4.402.000	41.499.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam	4.402.000	4.402.000
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	-	37.097.000
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	1.096.454.299	1.456.416.031
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	115.199.076	265.151.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam	981.255.223	1.191.265.031
Tổng cộng	1.984.928.875	2.473.687.392
12. Vay và nợ dài hạn	30/09/2011	01/01/2011
	VND	VND
<i>Vay dài hạn</i>	16.458.477.700	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bim Sơn	15.170.177.700	3.857.360.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	1.288.300.000	3.448.920.000
Tổng cộng	16.458.477.700	7.306.280.000

13. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	9.828.000.000	-	18.504.858.941	78.332.858.941
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	14.180.906.417	14.180.906.417
Tăng khác	-	-	1.225.613.174	-	1.225.613.174
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(19.988.673.086)	(19.988.673.086)
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	9.828.000.000	1.225.613.174	12.697.092.272	73.750.705.446
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	10.374.129.824	10.374.129.824
Chuyển các quỹ khác sang	-	-	4.171.597.366	-	4.171.597.366
Tăng khác	-	-	586.285	-	586.285
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(703.710)	(12.697.092.272)	(12.697.795.982)
Số dư tại ngày 30/9/2011	50.000.000.000	9.828.000.000	5.397.093.115	10.374.129.824	75.599.222.939

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2011

(tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2010 VND	01/01/2010 VND
Vốn góp của Nhà nước - Tổng Công ty Cổ phần XNK & XD Việt Nam	25.500.000.000	25.500.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24.500.000.000	24.500.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/09/2011 VND	01/01/2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.898.135.000	161.193.750

d) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	14%	14%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	14%	14%

đ) Cổ phiếu

	30/09/2011 VND	01/01/2011 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

l) Các quỹ của công ty

Chỉ tiêu	01/01/2011	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 30/09/2011
Quỹ đầu tư phát triển	17.320.148.776	4.669.723.687	4.329.397.366	17.660.475.097
Quỹ dự phòng tài chính	2.327.731.740	658.560.015	-	2.986.291.755
Cộng	19.647.880.516	5.328.283.702	4.329.397.366	20.646.766.852

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**14. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	505.958.759.894	301.115.840.986
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	503.992.590.089	294.910.503.084
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam	1.966.169.805	6.205.337.902
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.679.680.381	10.352.907.340
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5		10.352.907.340
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam		
Tổng cộng	532.638.440.275	311.468.748.326

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2011

(tiếp theo)

	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010 VND
15. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	505.958.759.894	301.115.840.986
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	26.679.680.381	10.352.907.340
Tổng cộng	532.638.440.275	311.468.748.326
16. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	468.030.727.963	279.657.936.505
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	466.221.851.742	274.885.758.504
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam	1.808.876.221	4.772.178.001
Giá vốn dịch vụ đã cấp	25.990.053.576	10.243.731.225
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	25.990.053.576	10.243.731.225
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam	-	-
Tổng cộng	494.020.781.539	289.901.667.730
17. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	1.134.990.359	752.413.863
Cộng	1.134.990.359	752.413.863
18. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	14.852.147.978	5.809.698.163
Dự phòng đầu tư tài chính	-	-
Cộng	14.852.147.978	5.809.698.163
19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	535.865.090.952	313.553.302.097
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	522.198.701.854	304.548.024.608
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	13.666.389.098	9.005.277.489
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.292.259.274	2.379.968.198
Số thuế TNDN phải nộp năm hiện hành	3.292.259.274	2.379.968.198
20 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	420.723.693.092	190.718.197.812
Chi phí nhân công	90.446.408.897	59.021.900.678
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.551.547.042	5.419.285.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.961.791.651	78.132.045.717
Chi phí khác bằng tiền	23.580.558.973	10.989.865.364
Cộng	646.263.999.655	344.281.335.922

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2011

(tiếp theo)

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.374.129.824	6.625.309.291
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.374.129.824	6.625.309.291
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.075	1.325

VII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan****1.1 Giao dịch với các bên liên quan****Doanh thu**

Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex)

	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010
	VND	VND

75.703.249.200 66.356.047.820

1.2 Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ

Thu nhập Ban giám đốc công ty

Tổng cộng

	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010
	VND	VND
Thu nhập Ban giám đốc công ty	918.366.000	627.400.000
Tổng cộng	918.366.000	627.400.000

2. Những thông tin khác**2.1 Tài sản ngắn hạn khác****Tạm ứng**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 5

Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam

	30/09/2011	01/01/2011
	VND	VND

1.005.626.536 884.283.488

51.794.547 290.395.499

953.831.989 593.887.989

Ký quỹ ngắn hạn

Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội

Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn

Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn

Ký quỹ ngắn hạn	3.359.478.675	1.700.276.147
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội	64.477.101	105.276.147
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	1.090.001.574	-
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	2.205.000.000	1.595.000.000

Tổng cộng

4.365.105.211 2.584.559.635

2.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí vật liệu quản lý

Chi phí đồ dùng văn phòng

Chi phí khấu hao TSCĐ

Thuế, phí và lệ phí

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Cộng

	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.309.300.800	5.078.443.020
Chi phí vật liệu quản lý	629.538.404	713.989.970
Chi phí đồ dùng văn phòng	274.010.033	194.291.417
Chi phí khấu hao TSCĐ	280.538.921	192.669.698
Thuế, phí và lệ phí	155.594.078	164.069.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	627.513.156	539.083.181
Chi phí bằng tiền khác	4.031.868.123	1.948.145.158
Cộng	13.308.363.515	8.830.692.050

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2011

(tiếp theo)

2.3 Thu nhập khác

Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ.
 Thu từ xử lý kiểm kê
 Thu từ cho thuê giáo, bán bê tông
 Thu từ nhượng bán công cụ, dụng cụ
Cộng

Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010
VND	VND
2.091.660.318	744.262.273
	554.893.635
	24.989.000
-	7.995.000
2.091.660.318	1.332.139.908

2.4 Chi phí khác

Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý
Cộng

Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010
VND	VND
17.408.822	5.966.665
17.408.822	5.966.665

2.5 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/9/2010, và kỳ hoạt động 01/01/2011 đến 30/9/2011 để làm cơ sở so sánh do Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 lập.

Hà nội, ngày 11 tháng 10 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Người lập

Kế toán trưởng




Lê Thị Oanh

Mai Văn Sơn



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Hải An